

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

*(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**I./ Thông tin chung:**

**1./ Thông tin khái quát:**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 11 năm 2015
- Vốn điều lệ: 236.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 236.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
- Trụ sở chính: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại: (0257) 3823 557
- Fax: (0257) 3828 388
- Website: [www.capthoatnuocpy.com.vn](http://www.capthoatnuocpy.com.vn)
- Mã chứng khoán: PWS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển:

+ *Giai đoạn 9/1996 – 8/2000:*

Được thành lập vào ngày 28/9/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m<sup>3</sup>/ngày.

+ *Giai đoạn 9/2000 – 11/2005:*

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND Tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa).



+ Giai đoạn 12/2005 đến nay

Từ ngày 22/12/2005, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 10/11/2015 được chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

## **2./ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **2.1/ Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch;
- Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị);

### **2.2/ Địa bàn kinh doanh:**

Địa bàn kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

- Nhà máy nước Tuy Hòa – thành phố Tuy Hòa;
- Nhà máy nước Sông Cầu – thị xã Sông Cầu;
- Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu – thị xã Sông Cầu;
- Nhà máy nước Tuy An – Huyện Tuy An;
- Nhà máy nước Đồng Xuân – huyện Đồng Xuân;
- Nhà máy nước Hai Riêng – huyện Sông Hinh;
- Nhà máy nước Củng Sơn – huyện Sơn Hòa;
- Nhà máy nước Phú Hòa – huyện Phú Hòa;
- Nhà máy nước Vũng Rô – huyện Đông Hòa.

## **3./ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

### **3.1/ Mô hình quản trị:**

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát

### **3.2/ Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- Ban giám đốc:
  - + Giám đốc phụ trách chung
  - + Phó giám đốc phụ trách kinh doanh
  - + Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật
- Các phòng ban gồm:
  - + Phòng Tổ chức – Hành chính

- + Phòng Kế toán – Tài vụ
- + Phòng Kế hoạch – Vật tư
- + Phòng Kỹ thuật
- + Xí nghiệp Tư vấn – Xây lắp
- + Xí nghiệp Cấp nước số 1
- + Xí nghiệp Cấp nước số 2
- + Xí nghiệp Cấp nước số 3
- + Ban điều hành dự án

**3.3/ Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

#### **4./ Định hướng phát triển:**

##### **4.1/ Các mục tiêu chủ yếu:**

Đến năm 2020, tiêu chuẩn cấp nước bình quân tại các đô thị từ loại IV trở lên đạt 120lít/người/ngày đêm, các đô thị loại V đạt 100 lít/người/ngày đêm; chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn quy định;

Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày;

Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp nước đô thị;

Đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của nhà nước;

Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ;

Dịch vụ vận hành hệ thống thoát nước thải thành phố Tuy Hòa theo thỏa thuận và duy tu hệ thống thoát nước mưa theo hợp đồng kinh tế;

Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững;

Việc làm của người lao động ổn định, thụ nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện.

##### **4.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Tập trung nhiều giải pháp để giảm thất thoát, thất thu nước sạch, mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ thất thoát dưới 15%.

Cùng với định hướng phát triển đô thị của tỉnh Phú Yên, định hướng phát triển cấp nước đến năm 2020 90% dân số đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên được sử dụng nước sạch, đến 2025 là 99%.

Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành gắn với các chương trình hợp tác đầu tư dịch vụ phục vụ cấp nước.

Sử dụng có hiệu quả và bảo toàn vốn của Công ty.

**4.3/ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

Từng bước chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước ngầm sang nước mặt ở những khu vực có điều kiện khai thác nước mặt, phù hợp với công nghệ của từng nhà máy để đảm bảo tính bền vững, giảm chi phí, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 90% sản lượng khai thác nguồn nước mặt; chú trọng đến trong tác bảo vệ môi trường trong khai thác nước và xử lý nước thải của các nhà máy.

Đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu bệnh tật do sử dụng nguồn nước ô nhiễm.

Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác và kinh doanh nước sạch; hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước.

Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

### 5./ **Rủi ro:**

Khách hàng sử dụng nước thuộc các Xí nghiệp tại các thị trấn thuộc các huyện trong tỉnh không nhiều do mật độ dân cư thưa thớt, trong khi đó chi phí sản xuất cao dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp, thường xuyên phải bù lỗ.

Một số tuyến ống được đầu tư trên 15 năm thường hay rò rỉ làm chi phí sửa chữa tăng và thất thoát lớn.

Các giếng khai thác được đặt ở các vị trí ven sông, nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ cao, ảnh hưởng đến khả năng khai thác của các nhà máy.

## II./ **Tình hình hoạt động năm 2018**

### 1./ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So với kế hoạch (%)
1	Sản lượng nước sản xuất TBI	m3	12.600.000	12.849.111	102,0%
2	Sản lượng nước sản xuất TBII	m3	12.100.000	12.379.190	102,3%
3	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	10.100.000	10.121.999	100,2%
4	Tỷ lệ thất thoát nước sạch	%	17,00	18,2	
5	Tổng doanh thu và thu nhập, trong đó:		103.000	106.889	103,8%
5.1	- Sản phẩm nước sạch	Tr.đồng	92.000	91.443	99,4%
5.2	- Hoạt động kinh doanh khác	Tr.đồng	8.000	4.230	52,9%
5.3	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	3.000	3.466	115,5%
5.4	- Thu nhập khác	Tr.đồng		7.750	
6	Nộp ngân sách (thuế)	Tr.đồng	8.700	8.022	92,2%
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	19.000	19.308	101,6%

## 2./ Tổ chức và nhân sự:

### 2.1/ Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ nghề nghiệp	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Lê Xuân Triết	Giám đốc	01/5/1962	163 Nguyễn Huệ, phường 5, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp	03/11/2015	12.380.600
2	Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc	08/9/1966	Tổ 13, khu phố Trần Phú, P8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng - CN Cấp thoát nước	03/11/2015	5.000
3	Nguyễn Tấn Thuận	Phó Giám đốc	28/5/1967	123 Hùng Vương, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp	03/11/2015	2.390.300
4	Trần Thị Lục Hà	Kế toán trưởng	04/5/1961	314 Trần Hưng Đạo, P.6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Tài chính Kế toán	16/05/2017	3.000

### 2.2/ Những thay đổi trong ban điều hành:

Giảm 01 Phó giám đốc Công ty từ 01/3/2018.

### 2.3/ Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ, người lao động trong công ty tính đến ngày 31/12/2018 là: 218 người, phân loại lao động chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng số</b>	<b>214</b>	<b>100,00</b>
<b>1. Phân loại theo trình độ lao động</b>	<b>218</b>	<b>100,00</b>
- Trình độ trên Đại học	4	1,83
- Trình độ Đại học	52	23,85
- Trình độ Cao đẳng	20	9,17
- Trình độ Trung cấp	27	12,39
- Chứng chỉ nghề	115	52,75
- Công nhân kỹ thuật		

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
- Lao động phổ thông		
<b>2. Phân theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>218</b>	<b>100,00</b>
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	144	66,06
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	64	29,36
- Hợp đồng lao động thời vụ, thử việc	10	4,59
<b>3. Phân theo giới tính</b>	<b>218</b>	<b>100,00</b>
- Nam	159	72,94
- Nữ	59	27,06

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền ăn ca, đồng phục, bảo hộ lao động, tham quan, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, .... và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

### 3./ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1/ Các khoản đầu tư lớn: Công ty thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2018 như sau:

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch năm 2018 (tr.đồng)	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Khối lượng thực hiện (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)
	<b>Tổng số</b>		<b>95.000</b>	<b>-</b>	<b>7.647</b>	<b>7.156</b>
<b>I</b>	<b>Các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng</b>		<b>4.092</b>	<b>4.492</b>	<b>3.826</b>	<b>2.966</b>
1	Cải tạo thay thế tuyến ống D160 đoạn trước Nhà máy đường KCP Đồng Xuân	20/6/2018	350	350	283	283
2	Đầu tư mới và thay thế một số máy móc thiết bị	04/12/2018	750	800	421	3
3	Lắp đặt thiết bị đo liên tục chất lượng nước tại Nhà máy nước Tuy Hòa	28/12/2018	242	242	241	2
4	Đầu tư nâng cấp tuyến ống chuyên tải cấp nước cho khu vực xã An Ninh Đông, An Ninh Tây - huyện Tuy An	15/11/2018	2.400	2.700	2.542	2.372

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch năm 2018 (tr.đồng)	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Khối lượng thực hiện (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)
5	Phát triển mạng tuyến ống cấp nước khu dân cư Chí Đức và cải tạo tuyến ống DN100 phía Bắc đèo Tam Giang, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An	11/12/2018	350	400	339	306
<b>II</b>	<b>Các công trình đang triển khai chuyển tiếp trong năm 2019</b>		<b>88.190</b>	<b>161.750</b>	<b>2.580</b>	<b>2.518</b>
<b>A</b>	<b>Vốn góp cổ đông</b>		<b>78.640</b>	<b>150.000</b>	<b>2.322</b>	<b>1.337</b>
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa công suất 28.000m <sup>3</sup> /ngày đêm		65.000	80.000	1.914	1.167
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000m <sup>3</sup> /ngày đêm lên 8.000m <sup>3</sup> /ngày đêm		12.640	30.000	408	170
3	Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m <sup>3</sup> /ngày đêm lên 5.000m <sup>3</sup> /ngày đêm		1.000	40.000	-	
<b>B</b>	<b>Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và huy động các nguồn khác</b>		<b>9.550</b>	<b>11.750</b>	<b>258</b>	<b>1.181</b>
<i>1</i>	<i>Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước</i>		<i>5.650</i>	<i>6.500</i>	<i>191</i>	<i>1.162</i>
1.1	Phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu dân cư khu vực Tuy Hòa.	07/01/2019	900	1.400	70	303
1.2	Lắp đặt hệ thống cấp nước cho khu B – Khu công nghiệp An Phú		250	250	-	
1.3	Phát triển mạng lưới cấp nước khu vực Tuy Hòa, gồm: Khu dân cư Đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Hai Bà Trưng đến Lương Văn Chánh); Khu dân cư phía Tây đường Hà Huy Tập (đoạn từ An		900	950	-	-

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch năm 2018 (tr.đồng)	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Khối lượng thực hiện (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)
	Dương Vương đến Lê Đài); Khu dân cư số 47 Nguyễn Trung Trực; Khu dân cư thôn Ngọc Phước 1&2, xã Bình Ngọc.					
1.4	Phát triển mạng tuyến ống cấp nước khu dân cư khu phố 2, thị trấn Hòa Vinh và xã Hòa Tân Đông, huyện Đông Hòa	24/01/2019	600	700	1	1
1.5	Cải tạo mạng lưới cấp nước nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh		3.000	3.200	120	858
2	<b>Thay đổi công nghệ; thay thế máy móc thiết bị; Thay thế một số tuyến cũ</b>		<b>3.900</b>	<b>5.250</b>	<b>67</b>	<b>19</b>
2.1	Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời cho Nhà máy nước Tuy Hòa		1.000	2.000	-	
2.2	Cải tạo, nâng cấp bể lắng cho khu xử lý nhà máy nước Chí Thạnh		1.000	350	-	
2.3	Cải tạo tuyến ống thép chuyên tải nước sạch DN250 đoạn qua Cầu EaBia, huyện Sông Hinh và Cải tạo tuyến ống DN63 dọc QL25, huyện Sơn Hòa		500	1.200	-	
2.4	Lắp đặt hệ thống quản lý mạng lưới cấp nước SCANDA cho các nhà máy		900	600	42	-
2.5	<b>Cải tạo sửa chữa các nhà máy nước:</b> 1. Cải tạo sửa chữa nhà điều hành và Trạm bơm cấp I - Nhà máy nước Đồng Xuân; Trạm bơm cấp I - Nhà máy nước Tuy An; 2. Cải tạo sửa chữa nhà trạm bơm, tường rào Trạm bơm Hòa Thắng, Trạm bơm Vũng Rô;		500	950	25	19



TT	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch năm 2018 (tr.đồng)	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Khối lượng thực hiện (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)
	3. Cải tạo nhà điều hành, nhà đặt máy phát điện, nhà hóa chất nhà máy nước Hai Riêng, huyện Sông Hình.					
<b>III</b>	<b>Trả nợ các công trình đã hoàn thành phê duyệt quyết toán</b>		<b>2.718</b>	<b>5.563</b>	<b>1.241</b>	<b>1.672</b>
1	Cải tạo, sửa chữa các trạm cấp nước, trụ sở làm việc các NMN năm 2017	06/10/2017-29/12/2017	450	780	8	317
2	Phát triển tuyến ống dịch vụ khu vực huyện Đông Hòa	02/11/2017-19/01/2018	890	943	851	533
3	Cải tạo tuyến ống dịch vụ khu vực thị xã Sông Cầu	14/12/2017-08/02/2018	194	196	150	148
4	Xây dựng hệ thống SCADA quản lý mạng lưới cấp nước thành phố Tuy Hòa	05/12/2017-30/5/2018	533	242	272	493
5	Xây dựng 01 giếng khai thác nước mặt tại Hòa An, công suất 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	26/4/2017-14/9/2017	408	770	(40)	7
6	Phát triển mạng tuyến ống cấp nước bên trong khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an Tỉnh	19/6/2017-29/9/2017	103	2.613	-	92
7	Các công trình đã hoàn thành (Thanh toán tiền giữ bảo hành)		140			82

3.2/ Các công ty con, công ty liên kết: Không

4./ Tình hình tài chính:

4.1/ Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng (+)/ giảm (-)
1	2	3	4=(3-2)/2
Tổng giá trị tài sản	395.349.130.803	392.171.256.463	-0,8%

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng (+)/ giảm (-)
Doanh thu thuần	92.718.692.831	97.915.136.473	+5,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.385.106.032	18.376.379.724	+12,2%
Lợi nhuận khác	329.627.724	931.453.215	+182,6%
Lợi nhuận trước thuế	16.714.733.756	19.307.832.939	+15,5%
Lợi nhuận sau thuế	13.325.115.166	18.235.150.722	+36,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4%	3,5%	-0,5%

#### 4.2/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,69	3,38	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,59	3,23	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,37	0,34	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,58	0,50	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	14,39	12,57	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,23	0,25	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,074	

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,046	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,18	0,14	

**5./ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:**

**5.1/ Cổ phần:**

- Tổng số phiếu: 23.600.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), trong đó:

- Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 15.031.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 8.569.000 cổ phiếu

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

**5.2/ Cơ cấu cổ đông:**

**Bảng 1: Cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần) và cổ đông nhỏ**

TT	Tên cổ đông	CMT/ GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VDL
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên		Số 07 Đường Độc lập, Phường 7, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	14.740.600	62,46%
2	Công ty Cổ phần nước Aqua One	Số 0313062501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014 và sửa đổi lần thứ 2 ngày 03/02/2015	04 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	8.260.000	35,00%
3	Cổ đông còn lại			599.400	2,54%
<b>Tổng cộng</b>				<b>23.600.000</b>	<b>100%</b>

**Bảng 2: Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài**

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	201	23.600.000	100%
	Tổ chức	2	23.000.600	97,46%

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
	<i>Cá nhân</i>	199	599.400	2,54%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>201</b>	<b>23.600.000</b>	<b>100%</b>

**5.3/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không thay đổi trong năm 2018.

**5.4/ Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch trong năm 2018.

**5.5/ Các chứng khoán khác:** Không phát hành trong năm 2018.

**6./ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1/ Quản lý nguồn vật liệu:**

*a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không*

*b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không*

**6.2/ Tiêu thụ năng lượng:**

*a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:*

Tổng lượng điện tiêu thụ khoảng 5,5 triệu kw.

*b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.*

*c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không.*

**6.3/ Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):**

*a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

Nguồn nước: Do Công ty cung cấp

Lượng nước sử dụng khoảng 3.000m<sup>3</sup>/năm.

*b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không*

**6.4/ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

*a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không*

*b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không*

**6.5/ Chính sách liên quan đến người lao động:**

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 218 người

- Mức lương bình quân:

- Mức lương bình quân công ty năm 2017: 6.916.000 đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân công ty năm 2018: 7.150.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Không

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không.

#### **6.6/ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

**6.7/ Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không**

### **III./ Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1./ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

##### **a. Đánh giá kết quả hoạt động:**

Năm 2018 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã bảo đảm thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ kế hoạch được giao, các chỉ tiêu chính theo kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

Tổng doanh thu và thu nhập trong năm cao hơn so với kế hoạch. Tuy nhiên, theo đánh giá chưa có tính chất bền vững do tác động từ khoản thu nhập khác tăng đột biến; trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất chính là kinh doanh sản phẩm nước sạch, doanh thu hoạt động của Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp chưa đạt kế hoạch.

##### **b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

Duy trì việc cung cấp nước ổn định, chất lượng, đảm bảo nước cho khách hàng sử dụng.

Cải tiến công tác ghi - thu tiền nước đúng thời hạn chính xác, kịp thời, luôn có chính sách phục vụ không gây phiền hà cho khách hàng.

Các quy định, quy chế quản lý luôn được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung.

#### **2./ Tình hình tài chính:**

##### **a. Tình hình tài sản:**

Tình hình quản lý tài sản: Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tình hình biến động các loại tài sản theo đúng quy định của Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính: "Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp". Tổng giá trị tài sản cuối năm 2018 là 392.171 triệu đồng.

**b. Tình hình nợ phải trả:**

Quản lý nợ tại doanh nghiệp: Các khoản nợ phải thu, phải trả Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, định kỳ đối chiếu công nợ; Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn): 3,38.
- Hệ số thanh toán nhanh: ((TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): 3,23
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản : 0,34
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu : 0,50

Công ty sử dụng vốn hiệu quả, vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ (khả năng thanh toán ngắn hạn: 3,38 lần; khả năng thanh toán nhanh là 3,23 lần).

**3./ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Ứng dụng những tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua website của Công ty với những thông tin như tra cứu về thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết thu tiền qua ngân hàng, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng...

Thực hiện các quy trình, quy định đã cải tiến phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, đồng thời xây dựng và ban hành nhiều quy định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong điều kiện mới; tạo cơ chế thuận lợi trong việc thực hiện nhanh các yêu cầu lắp đặt nước cho khách hàng ngay khi khách hàng có yêu cầu; kết hợp công tác cải tạo, phát triển mạng lưới với việc gắn mới đồng hồ nước nhằm đáp ứng nhanh yêu cầu của khách hàng.

Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống Ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu; thu qua thẻ ATM, thu tại quầy ngân hàng và tiếp tục nghiên cứu thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo công tác quản lý thu nộp tiền nước của Công ty ngày càng an toàn hơn.

Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

Ban hành quy định thưởng và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách nhiệm vật chất của người trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cũng như các tổ chức khác trong công tác quản lý chống thất thoát nước sạch tại Công ty.

**4./ Kế hoạch phát triển năm 2019:**

**4.1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

Căn cứ Kế hoạch SXKD 5 năm (2016-2020) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/9/2016 và Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau.

- Sản lượng nước sản xuất : 13.300.000 m<sup>3</sup>;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 10.700.000 m<sup>3</sup>;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 20,%;
- Tổng doanh thu : 110.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 21.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách : 5.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ : 3,5 %.

#### 4.2/. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2019: **95.000 triệu đồng**.  
Chi tiết như bảng sau:

*Đvt: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/ Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2019
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>190.000</b>	<b>95.000</b>
<b>I</b>	<b>Vốn góp cổ đông</b>			<b>150.000</b>	<b>75.000</b>
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa công suất 28.000m <sup>3</sup> /ngđ	TP. Tuy Hòa, huyện Phú Hòa	2017-2019	80.000	60.000
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000m <sup>3</sup> /ngđ lên 8.000m <sup>3</sup> /ngđ	Thị xã Sông Cầu	2017-2020	30.000	5.000
3	Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m <sup>3</sup> /ngđ lên 5.000m <sup>3</sup> /ngđ	Thị xã Sông Cầu	2017-2020	40.000	10.000
<b>II</b>	<b>Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và huy động từ các nguồn khác</b>			<b>40.000</b>	<b>20.000</b>
1	Đầu tư nâng cấp nhà máy nước Củng Sơn từ 2.000m <sup>3</sup> /ngđ lên 5.000m <sup>3</sup> /ngđ	Thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa	2019-2020	15.000	5.000
2	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các khu	Tất cả các Nhà máy	2019	10.000	7.000

TT	Danh mục dự án/ Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2019
	dân cư trong toàn Tỉnh				
3	Thay thế một số tuyến cũ; thay đổi công nghệ, máy móc thiết bị	Tất cả các Nhà máy	2019	5.000	3.000
4	Chuẩn bị đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy nước Phú Hòa để cấp nước cho thị trấn Phú Thứ và thanh toán nợ các dự án đã hoàn thành	Thị trấn Phú Hòa và thị trấn Phú Thứ	2019-2022	10.000	5.000

#### 4.3/ Biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:

##### a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tập trung các công tác: Cấp nước an toàn tại các nhà máy; duy trì kiểm soát chất lượng nước theo Quy chuẩn của Bộ Y tế; tăng cường công tác chống thất thoát thất thu và giảm tiêu hao điện năng cho các nhà máy. Khuyến khích thu tiền nước qua ngân hàng và tại các điểm thu tập trung.

- Chú trọng công tác phát triển khách hàng ở những khu vực đã đầu tư nâng cấp mở rộng mạng lưới như: Tuy Hòa, Tuy An, Sông Hinh, Đông Hòa để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải TP Tuy Hòa, đảm bảo thực hiện tốt công tác duy tu hệ thống thoát nước TP Tuy Hòa; thúc đẩy công tác mua bán vật tư chuyên ngành; mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh về dịch vụ tư vấn, xây lắp công trình.

##### b) Đầu tư phát triển:

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty gồm: Cải tạo, nâng công suất cấp nước cho các nhà máy nước thành phố Tuy Hòa; các dự án nâng cấp các nhà máy nước thị xã Sông Cầu và khu vực Đông Bắc Sông Cầu triển khai theo kế hoạch và khả năng huy động vốn.

- Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Cải tạo mạng lưới cấp nước NMN thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh trong quý I/2019.

- Tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý và hiệu quả. Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực có nhu cầu sử dụng nước.

##### c) Quản trị doanh nghiệp:

- Thực hiện các ý kiến của UBND tỉnh với tư cách là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty để duy trì công tác quản lý điều hành hoạt động của doanh nghiệp; xử lý kết quả về việc huy động tăng vốn điều lệ theo kế hoạch thoái vốn phần vốn nhà nước theo chủ trương của Chính phủ.



- Xây dựng cơ chế phối hợp với nhà đầu tư chiến lược để tạo sự đồng thuận trong HĐQT và Ban Kiểm soát; xây dựng bổ sung một số quy chế cần thiết cho phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển của doanh nghiệp trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung các quy chế quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, nội quy lao động, các quy định quản lý hoạt động phù hợp với thực tế hoạt động của Doanh nghiệp. Chú trọng nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị và người đứng đầu các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tăng cường kiểm soát công tác tài chính và tổ chức hoạt động các đơn vị quản lý trực thuộc để từng bước thực hiện cơ chế ủy quyền và chủ động quản lý kinh doanh tại cơ sở.

- Quản lý, sắp xếp lao động hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc của người lao động, đồng thời duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; Cải tiến quy chế trả lương, xét thưởng cho người quản lý và người lao động trong Công ty. Kiểm soát vận hành Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và thực hiện công bố thông tin minh bạch.

**5./ Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không

**6./ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

*a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:* Không

*b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Nhìn chung, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên có đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác, tăng trưởng. Tuy nhiên, vẫn còn một số người lao động trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí công tác, chưa nhận thức hết yêu cầu làm việc trong môi trường công ty cổ phần, chưa thay đổi phong cách làm việc cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới nên hiệu quả công việc mang lại chưa cao.

*c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Doanh nghiệp đã thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng qua các việc sau:

- Duy trì sản xuất ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế, đảm bảo sức khỏe của người dùng.

- Tham gia tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2018 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động là 120.000.000 đồng

**IV./ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

**1./ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch của Công ty được duy trì ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản

phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

Các hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành được duy trì theo đúng điều lệ. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2018 để thông qua phương án huy động bổ sung vốn điều lệ Công ty và chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông. Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng.

Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn.

## **2./ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong điều hành để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Hầu hết các chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đều đạt và vượt. Tổng doanh thu và thu nhập trong năm cao hơn so với kế hoạch. Tuy nhiên, theo đánh giá chưa có tính chất bền vững do tác động từ khoản thu nhập khác tăng đột biến trong khi doanh thu từ hoạt động sản xuất chính là kinh doanh sản phẩm nước sạch, doanh thu hoạt động của Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp chưa đạt kế hoạch.

Một số mục tiêu của HĐQT có đề ra nhưng thực hiện chậm gồm: công tác đầu tư phát triển năm 2018 không bảo đảm kế hoạch giao, khối lượng thực hiện giải ngân rất thấp (chỉ thực hiện 8.257 triệu đồng); phương án tăng doanh thu các lĩnh vực đầu tư ngoài lĩnh vực cấp nước chưa được chú trọng.

## **3./ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:**

### *3.1/ Sản xuất kinh doanh:*

Chỉ đạo, quản trị hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty để đạt và vượt các chỉ tiêu chính sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 13.300.000 m<sup>3</sup>;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 10.700.000 m<sup>3</sup>;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 20,%;
- Tổng doanh thu : 110.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 21.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách : 5.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ : 3,5 %.

Công ty đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

### *3.2/ Công tác đầu tư:*

Kịp thời phê duyệt danh mục dự án và kế hoạch phân bổ vốn đầu tư năm 2019 và chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty.

Chỉ đạo Ban Điều hành Công ty tổ chức thực hiện các dự án trọng điểm trong năm gồm:

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty gồm: Cải tạo, nâng công suất cấp nước cho các nhà máy nước thành phố Tuy Hòa; dự án nâng cấp các nhà máy nước thị xã Sông Cầu và khu vực Đông Bắc Sông Cầu.

- Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Cải tạo mạng lưới cấp nước NMN thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh trong quý I/2019.

- Đầu tư nâng cấp nhà máy nước Củng Sơn từ 2.000m<sup>3</sup>/ngđ lên 5.000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý và hiệu quả. Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực có nhu cầu sử dụng nước.

### *3.3/ Về quản lý:*

- Sửa đổi Điều lệ Công ty, xây dựng Quy chế quản trị doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;

- Sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định đã ban hành nhưng còn bất cập trong thực tiễn thực hiện;

- Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, đảm bảo yêu cầu phân quyền; phân cấp cho các đơn vị trong Công ty để các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất;

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành một cách có hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh.

### *3.4/ Về nhân sự - lao động:*

Ổn định lực lượng lao động; đảm bảo đời sống người lao động ngày được cải thiện.

Chú trọng công tác quy hoạch nhân sự nòng cốt, tiếp tục kiện toàn công tác nhân sự; nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn và thân thiện với khách hàng; nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu chất lượng dịch vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung... để xây dựng Công ty ngày một phát triển, chuyên nghiệp và hiện đại.

## **V./ Báo cáo tài chính:**

1./ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được lập đúng quy định.

2./ Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

### **3./ Ý kiến của đơn vị kiểm toán:**

Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số

A0618201-R/AISC-DN5 ngày 06/3/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**4./ Báo cáo tài chính được kiểm toán:** toàn nội dung Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này.

**Nơi nhận:**

- Các thành viên HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Tổ CBTT.



**Lê Xuân Triết**